

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 - 2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Bà Đoàn Thị Duyên;

2, Bà Nguyễn Thị Như Trang .

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Ch** - sinh năm 1979

Trú tại: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn C** - sinh năm 1975

Trú tại: thôn G, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình

(Chị Ch có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Trương Thị Ch có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/01/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình bố mẹ chồng ở thôn G, xã B, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh C thường xuyên đánh đập đuổi chị ra khỏi nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh C thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông. Tháng 01/2013 chị bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm liên lạc gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng anh C được nữa, do vậy chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Bùi Xuân Tr - sinh ngày 31/10/1997 đã trưởng thành, và Bùi Xuân Kh - sinh ngày 28/9/1999 hiện đang ở cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Kh và không yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Tr đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án phải giải quyết về việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Bùi Văn C trình bày:

Anh và chị Ch tự nguyện kết hôn vào ngày 14/01/1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình bố mẹ anh ở thôn G, xã B, quá trình chung sống hạnh phúc. Vợ chồng thỉnh thoảng có xô xát nhỏ nhưng chị Ch cho rằng anh đánh đập chị, nhiều lần chị Ch đã bỏ đi. Vợ chồng sống ly thân đến nay đã được 4 năm, vợ chồng không liên lạc gì với nhau, chỉ có một lần anh gọi chị về khi bố anh chết, chị Ch có về nhưng xong việc lại dẫn con đi luôn. Nay chị Ch xin ly hôn anh không đồng ý vì anh theo Đạo Thiên Chúa nên không bao giờ ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung là Bùi Xuân Tr – sinh 31/10/1997 đang đi bộ đội và Bùi Xuân Kh – sinh 28/9/1999 đang ở với chị Ch. Nếu ly hôn thì các con muốn ở với ai thì anh đều đồng ý.

Về tài sản chung anh không có yêu cầu gì.

* Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 18/7/2017, được chính quyền cung cấp nội dung giống như trình bày của chị Ch, ngoài ra còn cho biết thêm: Cách đây khoảng 01 năm, khi bố chồng chết thì chị Ch có về nhà, anh C có ngỏ ý muốn chị Ch về đoàn tụ nhưng chị Ch không về. Chị Ch và anh C vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương và có mặt ở nhà. Địa phương đã nhiều lần trực tiếp giao giấy triệu tập và các văn bản tố tụng mà Tòa án nhờ giao cho anh C. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ch được ly hôn anh C; Về con chung xử cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Xuân Kh, chấp nhận việc chị Ch không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 102/2017/TB-TLVA ngày 08/6/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số 2047/TB-TA ngày 13/7/2017; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 26/6/2017 và ngày 03/8/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2017 tại thôn G và trụ sở UBND xã B huyện K là nơi cư trú của anh C. Ngày 25/8/2017 chị Ch có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt là lần thứ 2. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch và anh C là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án chỉ có nguyên đơn và bị đơn, họ đều vắng mặt nên phiên tòa được tiến hành theo thủ tục quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã B để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị Ch và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và đã có 02 con chung, nhưng cũng hay có xô xát nhỏ, chị Ch đã bỏ về nhà mẹ đẻ nhiều lần, đến khoảng đầu năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân, chị Ch đi học nghề làm đầu, mở quán làm riêng, anh C làm ruộng ở nhà, vợ chồng không liên lạc và quan tâm đến nhau. Chị Ch xác định không còn tình cảm với anh C nữa, một mực xin ly hôn anh C. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị Ch và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận xử cho chị Ch được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung:

Chị Ch và anh C có 02 con chung là Bùi Xuân Tr - sinh ngày 31/10/1997 đã trên 18 tuổi, đang đi làm nghĩa vụ quân sự, và Bùi Xuân Kh – sinh ngày 28/9/1999 hiện đang ở cùng với chị Ch. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì thấy: Đối với con Tr đã trên 18 tuổi nên Tòa án không phải đặt ra giải quyết về việc nuôi dưỡng. Đối với con Kh có nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy nên giao cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng con Kh, chấp nhận việc chị Ch không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ch và anh C đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

- Về án phí:

Chị Ch phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trương Thị Ch được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về quan hệ con chung:

Xử giao cho chị Trương Thị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Xuân Kh – sinh ngày 28/9/1999. Chấp nhận việc chị Ch không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trương Thị Ch phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000715 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Trương Thị Ch đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Ch và anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Đường sự;
- UBND xã B;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đức

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Đường sự;
- UBND xã Bình Minh;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đức

